

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Master in Business Administration
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Định hướng: Ứng dụng
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Mã ngành: 8340101

(Ban hành kèm theo quyết định số 546/ĐHKTKTCN ngày 30/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, có hệ thống về các lĩnh vực cốt lõi của quản trị kinh doanh và năng lực lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Học viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy hệ thống, năng lực số và nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số và hội nhập quốc tế, đóng góp vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Vận dụng kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về các lĩnh vực cốt lõi của quản trị kinh doanh (chiến lược, tài chính, marketing, nhân sự/vận hành...) để phân tích, đánh giá và ra quyết định dựa trên dữ liệu, nhằm giải quyết các vấn đề kinh doanh phức tạp trong bối cảnh số và hội nhập.

PO2: Thành thạo kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu, kỹ năng nghiên cứu và truyền đạt tri thức trong kinh doanh, tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; vận dụng công

cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp với lĩnh vực quản trị kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

PO3: Chịu trách nhiệm và thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; dẫn dắt và quản lý hoạt động chuyên môn trong tổ chức và tự học suốt đời để thích ứng linh hoạt với môi trường số và hội nhập.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CDR
Kiến thức chung			
1	PLO1	Áp dụng các phương pháp luận và nghiên cứu khoa học để giải quyết các yêu cầu lập luận chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	3
		PI 1.1. Áp dụng thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào phân tích và luận giải các vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp.	3
		PI 1.2. Lựa chọn và sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để thu thập, xử lý và diễn giải bằng chứng phục vụ lập luận chuyên môn trong quản trị kinh doanh.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	PLO2	Phân tích các vấn đề phức tạp thuộc các chức năng quản trị trong doanh nghiệp dựa trên dữ liệu và lý thuyết quản trị kinh doanh hiện đại nhằm đề xuất giải pháp khả thi và hiệu quả trong bối cảnh doanh nghiệp.	4
		PI 2.1. Phân tích các vấn đề phức tạp thuộc các chức năng quản trị trong doanh nghiệp (marketing, tài chính, nhân sự, vận hành...) bằng dữ liệu và khung lý thuyết phù hợp nhằm xác định nguyên nhân và tác động của vấn đề trong bối cảnh doanh nghiệp.	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CDR
		PI 2.2. Đề xuất và lựa chọn giải pháp quản trị khả thi, hiệu quả, đồng thời phác thảo định hướng triển khai phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp.	4
3	PLO3	Đánh giá và lựa chọn công nghệ, công cụ ứng dụng mới phù hợp, đồng thời tích hợp kiến thức liên ngành nhằm nhận diện cơ hội và phát triển chiến lược hoặc mô hình kinh doanh thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.	5
		PI 3.1. Đánh giá và lựa chọn công nghệ, công cụ ứng dụng mới phù hợp nhằm nhận diện cơ hội hoặc giải quyết vấn đề kinh doanh cụ thể trong bối cảnh ngành hoặc doanh nghiệp.	5
		PI 3.2. Tích hợp kiến thức liên ngành và dữ liệu phân tích để nhận diện cơ hội, phát triển chiến lược hoặc mô hình kinh doanh thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.	5
Kỹ năng chung			
4	PLO4	Trình bày, thảo luận và bảo vệ quan điểm chuyên môn/khoa học trên cơ sở dữ liệu và kết quả nghiên cứu trước người cùng chuyên môn và các bên liên quan.	4
		PI 4.1. Thực hiện thuận thực việc truyền đạt tri thức bằng báo cáo và thuyết trình có cấu trúc, trong đó sử dụng bằng chứng từ dữ liệu và kết quả nghiên cứu trước người cùng chuyên môn và các bên liên quan.	4
		PI 4.2. Phối hợp lập luận, bằng chứng từ kết quả nghiên cứu và kỹ năng phản biện để thảo luận và bảo vệ quan điểm học thuật với người cùng chuyên môn và các bên liên quan.	4
Kỹ năng chuyên môn			
5	PLO5	Triển khai phân tích và đánh giá dữ liệu chuyên sâu bằng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp nhằm đề xuất giải pháp khoa học, khả thi trong các hoạt động quản trị kinh doanh.	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CDR
		PI 5.1. Triển khai thu thập, làm sạch, tổ chức, phân tích và đánh giá dữ liệu bằng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp trong tình huống quản trị kinh doanh cụ thể.	4
		PI 5.2. Kết hợp kết quả phân tích dữ liệu với hiểu biết nghiệp vụ để phát triển khuyến nghị hoặc giải pháp quản trị kinh doanh có căn cứ khoa học và khả thi trong bối cảnh doanh nghiệp.	4
6	PLO6	Tổ chức và điều hành các nghiệp vụ quản trị kinh doanh một cách khoa học, hiệu quả nhằm thực thi mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.	4
		PI 6.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghiệp vụ quản trị kinh doanh và bộ tiêu chí đánh giá phù hợp với mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.	4
		PI 6.2. Điều hành, kiểm soát và đánh giá việc thực hiện nghiệp vụ quản trị kinh doanh nhằm đề xuất giải pháp cải tiến, nâng cao hiệu quả thực thi mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
7	PLO7	Thể hiện năng lực tự định hướng phát triển nghề nghiệp, thích ứng với bối cảnh thay đổi và chịu trách nhiệm đối với quyết định chuyên môn trong thực tiễn quản trị kinh doanh.	3
		PI 7.1. Thể hiện cam kết tự định hướng phát triển nghề nghiệp thông qua việc chủ động lập kế hoạch cập nhật tri thức, công nghệ mới thích ứng với bối cảnh thay đổi của môi trường kinh doanh.	3
		PI 7.2. Chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định chuyên môn bằng cách biện minh dựa trên dữ liệu và kiến thức chuyên môn trong thực tiễn quản trị kinh doanh.	3
8	PLO8	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và lãnh đạo/dẫn dắt người khác thực hiện nhiệm vụ gắn với đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CDR
		PI 8.1. Hình thành các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong việc ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ gắn với dự án quản trị kinh doanh.	4
		PI 8.2. Thể hiện năng lực lãnh đạo/dẫn dắt người khác thực hiện nhiệm vụ gắn với đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.	4

2.2. Trình độ ngoại ngữ: Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng, người học có thể đảm nhận các vị trí quản lý, điều hành, tư vấn, nghiên cứu và phát triển kinh doanh trong các doanh nghiệp, tổ chức công, tổ chức phi lợi nhuận, cơ sở giáo dục và các tổ chức trong nước hoặc quốc tế, cụ thể:

- Nhà quản trị cấp trung hoặc cấp cao trong các lĩnh vực chiến lược, marketing, bán hàng, tài chính, nhân sự, vận hành, chuỗi cung ứng, chuyển đổi số và phát triển kinh doanh.
- Trưởng/phó bộ phận chức năng, giám đốc dự án, giám đốc kinh doanh, giám đốc vận hành hoặc giám đốc điều hành tại các doanh nghiệp, tổ chức.
- Doanh nhân, nhà sáng lập, chủ doanh nghiệp hoặc nhà quản lý doanh nghiệp tư nhân.
- Chuyên gia tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược, tư vấn chuyển đổi số, tư vấn phát triển tổ chức và cải tiến hoạt động kinh doanh.
- Chuyên viên/chuyên gia phân tích kinh doanh, hoạch định chính sách, xây dựng chiến lược và phát triển thị trường.
- Nghiên cứu viên, giảng viên hoặc cán bộ quản lý đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và tổ chức đào tạo, tư vấn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

2.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp ở trình độ cao hơn, cụ thể:

- Tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế, khoa học quản lý hoặc các lĩnh vực liên quan.

- Tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu và chứng chỉ nghề nghiệp về lãnh đạo, chiến lược, tài chính, marketing, nhân sự, vận hành, chuỗi cung ứng, quản trị dự án, phân tích dữ liệu, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh.

- Chủ động tự học, tự nghiên cứu, cập nhật tri thức, công nghệ và phương pháp quản trị mới nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp trong bối cảnh số và hội nhập quốc tế.

- Phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng, tư vấn quản trị và giải quyết các vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp, tổ chức hoặc cộng đồng nghề nghiệp.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
PO1	X	X	X					
PO2				X	X	X		
PO3							X	X

4. Yêu cầu đối với người học

4.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Các ngành phù hợp mà không phải là ngành đúng sẽ phải học bổ sung/ chuyển đổi kiến thức (theo bảng danh mục ngành phù hợp và các học phần chuyển đổi/ bổ sung liên thức). Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh và Hội đồng khoa học nhà trường quyết định.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung/ chuyển đổi kiến thức:

TT	Ngành tốt nghiệp đại học	Các học phần bổ sung/chuyển đổi kiến thức
1	Quản trị kinh doanh Marketing Bất động sản Kinh doanh quốc tế Kinh doanh thương mại	Không học bổ sung kiến thức

	Thương mại điện tử Kinh doanh thời trang và dệt may	
2	Quản lý công Quản trị nhân lực Hệ thống thông tin quản lý Quản trị văn phòng Quản lý dự án Quản lý công nghiệp Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Quản trị khách sạn	1. Quản trị chiến lược, 001426, 3TC
3	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng Bảo hiểm Kế toán Kiểm toán Khoa học quản lý	1. Quản trị chiến lược, 001426, 3TC 2. Quản trị nhân lực, 000497, 3TC
4	Thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành không thuộc danh mục kể trên nhưng trong chương trình đào tạo đại học phải có 2 trong các học phần: (1) Toán cao cấp/Toán ứng dụng trong kinh tế/Toán cao cấp cho các nhà kinh tế/Toán đại cương/Toán ứng dụng/Lý thuyết xác suất thống kê/Xác suất thống kê/Lý thuyết xác suất và thống kê toán (2) Kinh tế học/Kinh tế vi mô/Kinh tế học vi mô/Kinh tế vĩ mô/Kinh tế học vĩ mô/Kinh tế ứng dụng/Kinh tế quản lý (3) Các học phần Quản trị/Quản lý/Kinh doanh (các học phần có từ “quản trị”, “quản lý”, “kinh doanh”)	1. Quản trị học, 001201, 3TC 2. Quản trị chiến lược, 001426, 3TC 3. Quản trị nhân lực, 000497, 3TC

- Các quy định khác: Theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

4.2. Phương thức tuyển sinh:

a. Xét tuyển: Xét tuyển gồm 3 môn cụ thể:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường
- Hai môn khác là tổ hợp cao nhất của ứng viên được nhà trường thông báo tại các đợt tuyển sinh hàng năm.
- Hình thức và quy trình xét tuyển trong mỗi kỳ tuyển sinh do Trường quyết định.

b. Thi tuyển: thí sinh sẽ thi 3 môn gồm:

- Môn 1: Quản trị học
- Môn 2: Quản trị chiến lược
- Môn ngoại ngữ: Theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường

5. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên hoàn thành các học phần trong Chương trình đào tạo và đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

6. Chương trình đào tạo

6.1 Cấu trúc chương trình

- | | |
|--|------------|
| - Phần kiến thức chung: | 06 tín chỉ |
| - Phần kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành: | 45 tín chỉ |
| + Lý thuyết: | 39 tín chỉ |
| + Thực hành, thực tập, chuyên đề, tiểu luận: | 06 tín chỉ |
| - Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án): | 09 tín chỉ |

6.2 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
I. Phần kiến thức chung			6		
0601002218	Triết học	LLCT&PL	4	(48,24,120)	
0601001468	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DLKS	2	(24,12,60)	
II. Phần kiến thức cơ sở ngành			12		
Các học phần bắt buộc			8		
0601002547	Kinh tế học quản lý	DLKS	2	(24,12,60)	
0601002549	Luật doanh nghiệp	TM	2	(24,12,60)	
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	DLKS	2	(24,12,60)	

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
0601002548	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	QT&MAR	2	(24,12,60)	
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)			4		TC1
0601002550	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	QT&MAR	2	(24,12,60)	
0601002552	Hành vi tổ chức	QT&MAR	2	(24,12,60)	
0601002551	Quản trị công ty	QT&MAR	2	(24,12,60)	
0601003474	Quản trị hệ thống thông tin	QT&MAR	2	(24,12,60)	
0601002554	Kế toán quản trị	KTKT	2	(24,12,60)	
III. Phần kiến thức cốt lõi của ngành			18		
Các học phần bắt buộc			12		
0601002555	Quản trị chiến lược nâng cao	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002556	Quản trị tài chính nâng cao	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002557	Quản trị marketing nâng cao	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601003388	Chuyên đề 1: Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	QT&MAR	3	(0,90,90)	
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)			6		TC2
0601002558	Quản trị bán hàng nâng cao	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002559	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002560	Kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002561	Quản trị rủi ro nâng cao	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002562	Chuyển đổi số trong kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	
IV. Phần kiến thức chuyên ngành			15		
Các học phần bắt buộc			9		

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
0601002563	Lãnh đạo trong tổ chức	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002564	Quản trị kinh doanh đương đại	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002565	Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	QT&MAR	3	(0,90,90)	
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)			6		TC3
0601002566	Thiết kế tổ chức	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601003460	Quản trị tri thức	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002567	Quản trị đổi mới sáng tạo	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002568	Khởi sự kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002569	Quản trị sự thay đổi	QT&MAR	3	(36,18,90)	
V. Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)			9		
0601002571	Đề án tốt nghiệp	QT&MAR	9	(0,540, 0)	
Tổng cộng:			60		

7. Kế hoạch đào tạo

7.1. Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm

7.2. Khung kế hoạch đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
I. Học kỳ 1 (6 học phần BB)		14	
0601002218	Triết học	4 (48,24,120)	BB
0601001468	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (24,12,60)	BB
0601002547	Kinh tế học quản lý	2 (24,12,60)	BB
0601002549	Luật doanh nghiệp	2 (24,12,60)	BB
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	2 (24,12,60)	BB
0601002548	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2 (24,12,60)	BB

Mã học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
II. Học kỳ 2 (4 học phần BB + 2 học phần TC1)		16	
0601002555	Quản trị chiến lược nâng cao	3 (36,18,90)	BB
0601002557	Quản trị marketing nâng cao	3 (36,18,90)	BB
0601002563	Lãnh đạo trong tổ chức	3 (36,18,90)	BB
0601002556	Quản trị tài chính nâng cao	3 (36,18,90)	BB
0601002550	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	2 (24,12,60)	TC1.1
0601002552	Hành vi tổ chức	2 (24,12,60)	TC1.2
0601002551	Quản trị công ty	2 (24,12,60)	TC1.3
0601003474	Quản trị hệ thống thông tin	2 (24,12,60)	TC1.4
0601002554	Kế toán quản trị	2 (24,12,60)	TC1.5
III. Học kỳ 3 (1 học phần BB + 2 học phần nhóm TC2 + 2 học phần nhóm TC3)		15	
0601002564	Quản trị kinh doanh đương đại	3 (36,18,90)	BB
0601002558	Quản trị bán hàng nâng cao	3 (36,18,90)	TC2.1
0601002559	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	3 (36,18,90)	TC2.2
0601002560	Kinh doanh quốc tế	3 (36,18,90)	TC2.3
0601002561	Quản trị rủi ro nâng cao	3 (36,18,90)	TC2.4
0601002562	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3 (36,18,90)	TC2.5
0601002566	Thiết kế tổ chức	3 (36,18,90)	TC3.1
0601003460	Quản trị tri thức	3 (36,18,90)	TC3.2
0601002567	Quản trị đổi mới sáng tạo	3 (36,18,90)	TC3.3
0601002568	Khởi sự kinh doanh	3 (36,18,90)	TC3.4
0601002569	Quản trị sự thay đổi	3 (36,18,90)	TC3.5
IV. Học kỳ 4 (2 chuyên đề + Đề án tốt nghiệp)		15	
0601003388	Chuyên đề 1: Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3 (0,90,90)	BB
0601002565	Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	3 (0,90,90)	BB

Mã học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
0601002571	Đề án tốt nghiệp	9 (0,270,270)	BB

Ghi chú: BB: Học phần bắt buộc; TC: Học phần tự chọn

7.3. Danh sách giảng viên giảng dạy

TT	Tên học phần	TC	Giảng viên phụ trách	Đơn vị
1	Triết học	4	TS. Bùi Thanh Thuỷ TS. Lê Thị Lý TS. Nguyễn Thị Thu Hà	LLCT&PL
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	TS. Nguyễn Văn Hợp TS. Lê Thị Kim Chi	DLKS
3	Kinh tế học quản lý	2	TS. Nguyễn Văn Hợp TS. Lê Thị Kim Chi	DLKS
4	Luật doanh nghiệp	2	TS. Nguyễn Thị Phụng TS. Nguyễn Thị Chi	TM
5	Thống kê và phân tích dữ liệu	2	TS. Nguyễn Văn Hợp TS. Lê Thị Kim Chi TS. Phạm Văn Bằng TS. Phạm Thị Thắng	DLKS
6	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2	TS. Lê Thị Kim Tuyết TS. Phạm Hồng Tú	QT&MAR
7	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	2	PGS.TS. Dương Thị Liễu TS. Lưu Khánh Cường TS. Nguyễn Thị Thu Trang	QT&MAR
8	Hành vi tổ chức	2	TS. Lê Thị Kim Tuyết TS. Phạm Hồng Tú	QT&MAR
9	Quản trị công ty	2	TS. Lưu Khánh Cường TS. Nguyễn Thị Thu Trang TS. Dương Thị Tân	QT&MAR
10	Quản trị hệ thống thông tin	2	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Long TS. Đào Đăng Kiên	QT&MAR
11	Kế toán quản trị	2	TS. Ngô Thị Trà TS. Nguyễn Ngọc Lan	KTKT

TT	Tên học phần	TC	Giảng viên phụ trách	Đơn vị
			TS. Đinh Thị Kim Xuyên TS. Phạm Thùy Vân	
12	Quản trị chiến lược nâng cao	3	TS. Mai Thị Lụa TS. Vũ Dương Hoà PGS.TS. Đinh Văn Thành	QT&MAR
13	Quản trị tài chính nâng cao	3	TS. Phùng Thị Lan Hương TS. Nguyễn Mạnh Hùng TS. Nguyễn Thị Chi	QT&MAR
14	Quản trị marketing nâng cao	3	TS. Đoàn Kim Thêu TS. Phạm Hồng Tú PGS. TS. Nguyễn Hoàng Long	QT&MAR
15	Chuyên đề 1: Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	TS. Bùi Thị Xuân TS. Trần Thị Minh Hải	QT&MAR
16	Quản trị bán hàng nâng cao	3	TS. Đoàn Kim Thêu TS. Vũ Dương Hoà TS. Nguyễn Thị Phụng	QT&MAR
17	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	3	TS. Bùi Việt Hưng TS. Lê Thị Mỹ Ngọc TS. Đào Đăng Kiên	QT&MAR
18	Kinh doanh quốc tế	3	TS. Vũ Hoàng Linh Chi TS. Lê Thị Mỹ Ngọc	QT&MAR
19	Quản trị rủi ro nâng cao	3	TS. Phùng Lan Hương TS. Nguyễn Mạnh Hùng TS. Vũ Thị Thục Oanh	QT&MAR
20	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Long TS. Hoàng Vũ Linh Chi	QT&MAR
21	Lãnh đạo trong tổ chức	3	TS. Trần Thị Minh Hải PGS.TS Trần Việt Lâm PGS.TS Đinh Văn Thành	QT&MAR
22	Quản trị kinh doanh đương đại	3	TS. Trần Thị Minh Hải PGS.TS Trần Việt Lâm	QT&MAR
23	Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	3	TS. Đoàn Kim Thêu PGS. TS. Nguyễn Hoàng Long	QT&MAR

TT	Tên học phần	TC	Giảng viên phụ trách	Đơn vị
24	Thiết kế tổ chức	3	TS. Lê Thị Kim Tuyết TS. Trần Thị Mai Phương	QT&MAR
25	Quản trị tri thức	3	TS. Mai Thị Lụa TS. Nguyễn Đình Phong	QT&MAR
26	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	TS. Lưu Khánh Cường TS. Bùi Thị Xuân TS. Lê Thị Mỹ Ngọc	QT&MAR
27	Khởi sự kinh doanh	3	TS. Lê Thị Mỹ Ngọc TS. Đào Đăng Kiên	QT&MAR
28	Quản trị sự thay đổi	3	TS. Lưu Khánh Cường PGS.TS Trần Việt Lâm	QT&MAR
29	Đề án tốt nghiệp	9	TS. Lưu Khánh Cường (phụ trách chính) và các giảng viên tham gia giảng dạy kiến thức chuyên ngành	QT&MAR

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long